

Biểu
CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 22/3/2025 của UBND huyện Đình Lập)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/7/2023				Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn QT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
																Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB					Thu hồi CKUT			TT nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23	
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)						498.325	441.078	57.809	49.592	-	225.509	356.405	356.405	6.700	3.693	24.700	2.351,5	334.056	334.056	6.700	3.693			
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC (Nghị quyết 16/2021/NQ-HĐND)						76.675	55.986	7.677	7.677	-	22.214	47.793	47.793	-	3.242	346	62	47.509	47.509	-	3.242			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020						11.574	11.221	7.677	7.677	-	11.019	3.242	3.242	-	3.242	-	-	3.242	3.242	-	3.242			
I	TRỤ SỞ LÀM VIỆC						11.574	11.221	7.677	7.677	-	11.019	3.242	3.242	-	3.242	-	-	3.242	3.242	-	3.242			
1	Nhà làm việc khối đoàn thể xã Kiên Mộc		Nhà 02 tầng, diện tích 450m2	xã Kiên Mộc	2019-2020	2621/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.231	3.231	1.850	1.850	176/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	3.127	1.277	1.277		1.277			1.277	1.277		1.277		Ban quản lý dự án ĐTXD	
2	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc UBND xã Đình Lập			xã Đình Lập	2019-2020	2620/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.796	4.442	3.080	3.080	200/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	4.442	1.262	1.262		1.262			1.262	1.262		1.262		Ban quản lý dự án ĐTXD	
3	Nhà đoàn thể xã Bắc Lãng			xã Bắc Lãng	2019-2020	2616/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.547	3.547	2.747	2.747	1490/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	3.450	703	703		703			703	703		703		Ban quản lý dự án ĐTXD	
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025																								
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						65.100	44.765	-	-	-	11.195	44.551	44.551	-	-	346	62	44.267	44.267	-	-			
I	LĨNH VỰC TRỤ SỞ LÀM VIỆC						15.900	15.900	-	-	-	7.685	15.686	15.686	-	-	101	-	15.585	15.585	-	-			
1	Trụ sở UBND xã Châu Sơn		02 tầng, diện tích 620m2	Xã Châu Sơn	2021-2025	170/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	4.951	4.951			259/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	4.737	4.737	4.737					4.737	4.737				Ban quản lý dự án ĐTXD	
2	Nhà làm việc khối đoàn thể xã Cường Lợi		Nhà 02 tầng, diện tích 450m2	Xã Cường Lợi	2021-2025	519/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	3.049	3.049			3924/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.948	3.049	3.049			101		2.948	2.948				Ban quản lý dự án ĐTXD	
3	Trụ sở UBND thị trấn Nông Trường Thái Bình		02 tầng	TT Nông Trường Thái Bình	2023-2025	982/QĐ-UBND ngày 29/3/2023; 1566/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	4.500	4.500					4.500	4.500					4.500	4.500				Ban quản lý dự án ĐTXD	
4	Nhà làm việc khối đoàn thể xã Đồng Thắng		2 tầng; 06 phòng làm việc	Xã Đồng Thắng	2021-2025	497/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	3.400	3.400					3.400	3.400					3.400	3.400				Ban quản lý dự án ĐTXD	
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO						5.000	5.000	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-			
1	Nhà văn hóa thị trấn Nông Trường Thái Bình		đạt chuẩn	TT Nông Trường TB	2021-2025	983/QĐ-UBND ngày 29/3/2023; 3167/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	5.000	5.000					5.000	5.000					5.000	5.000				Ban quản lý dự án ĐTXD	
III	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH						3.099	3.099	-	-	-	3.080	3.099	3.099	-	-	19	-	3.080	3.080	-	-			
1	Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã			Các xã	2022	2387/QĐ-UBND ngày 02/9/2022	800	800				800	800	800					800	800					
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Bắc Lãng, tỷ lệ 1/500			Xã Bắc Lãng	2022-2023	3099/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	408	408			82/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	397	408	408			11		397	397					
3	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Cường Lợi, tỷ lệ 1/500			Xã Cường Lợi	2022-2023	2306/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	428	428				427	428	428			1		427	427					
4	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Đình Lập, tỷ lệ 1/500			Xã Đình Lập	2022-2023	2986/QĐ-UBND ngày 29/7/2023	419	419				418	419	419			1		418	418				Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	

Số TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/7/2023				Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn QT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
																Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB					Thu hồi CKUT			TT nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23	
5	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đinh Lập			Thị trấn Đinh Lập	2022-2023	1615/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	529	529				526	529	529			3		526	526					
6	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Nông Trường Thái Bình			Thị trấn Nông Trường Thái Bình	2022-2023	1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	516	516				513	516	516			3		513	513					
IV	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						25.833	15.973	-	-	-	430	15.973	15.973	-	-	-	62	16.034	16.034	-	-			
1	Đường nội thị kéo dài (Km55+240 - Km57+230/QL4B) và Khu đô thị phía Đông 2		0,9Km; 5,9ha	TT Đinh Lập	2021-2025	07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	430.000	430.000				430	430	430					430	430			Ban quản lý dự án ĐTXD	Chuẩn bị đầu tư	
2	Xi măng làm đường giao thông nông thôn			Các xã, thị trấn	2021-2025		12.543	12.543					12.543	12.543				62	12.604	12.604			Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		
3	Bến xe huyện Đinh Lập			Các xã, thị trấn	2021-2025	671/QĐ-UBND ngày 19/3/2024; 3382/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	12.860	3.000					3.000	3.000					3.000	3.000			Ban quản lý dự án ĐTXD		
V	LĨNH VỰC THỦY LỢI						122	122	-	-			122	122	-	-			122	122	-	-			
1	Xi măng thủy lợi nhỏ			Các xã, thị trấn	2021		122	122					122	122					122	122			Phòng NN và PTNT		
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC						10.500	3.025	-	-			3.025	3.025	-	-	-	-	3.025	3.025	-	-			
1	Trường THCS thị trấn Nông Trường Thái Bình			TT Nông Trường	2024-2025	3768/QĐ-UBND ngày 20/12/2023; 3054/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	10.500	3.025					3.025	3.025					3.025	3.025			Ban quản lý dự án ĐTXD		
VII	LĨNH VỰC Y TẾ						4.646	1.646	-	-			1.646	1.646			225	-	1.421	1.421					
1	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Đinh Lập		đạt chuẩn	TT Nông Trường TB	2023-2025	722/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	4.646	1.646				1956/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	4.521	1.646	1.646		225		1.421	1.421			Ban quản lý dự án ĐTXD	(Vốn đối ứng NS huyện: 100 trđ; vốn TW 3.000 trđ)	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						306.014	297.173	14.700	14.700		110.541	252.469	252.469	6.700	-	23.625	2.290	231.134	231.134	6.700	-			
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 -2020 sang giai đoạn 2021- 2025						37.839	33.445	14.200	14.200	-	27.172	14.042	14.042	-	-	-	-	14.042	14.042	-	-			
a)	Dự án hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2020						37.839	33.445	14.200	14.200	-	27.172	14.042	14.042	-	-	-	-	14.042	14.042	-	-			
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG						9.742	9.742	1.621	1.621			7.920	7.920	-	-	-	-	7.920	7.920	-	-			
1	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thị trấn Đinh Lập và thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đinh lập			02 thị trấn	2019-2020	Số 2736/QĐ-UBND, ngày 25/9/2019; 825/QĐ-UBND 13/4/2022	8.308	8.308	1.000	1.000			7.308	7.308					7.308	7.308			Phòng Nông nghiệp và Môi trường		
2	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện, cấp xã			Huyện Đinh Lập	2019-2020	2182/QĐ-UBND ngày 11/11/2019	1.434	1.434	621	621			612	612			-		612	612			Phòng Nông nghiệp và Môi trường		
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						17.488	17.488	8.579	8.579	-	16.957	3.407	3.407	-	-	-	-	3.407	3.407	-	-			
1	Sửa chữa đảm bảo giao thông đoạn Km0+600-Km1+600 và đoạn Km5+Km6 đường Quang Hòa - Bán Hàng			xã Cường Lợi	2017-2018	3685/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	2.498	2.498	899	899			2296/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	2.465	1.537	1.537			1.537	1.537			Ban quản lý dự án ĐTXD		
2	Xây dựng, cải tạo vỉa hè nội thị thị trấn Đinh Lập		Chiều dài block loại 1: 3.574m; Chiều dài block loại 2 (block liền rãnh biên): 1.395m	TT Đinh Lập	2019-2021	1474/QĐ-UBND ngày 24/6/2019; 3186, 3723/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.990	14.990	7.680	7.680			2386/QĐ-UBND ngày 02/9/2022	14.491	1.869	1.869			1.869	1.869			Ban quản lý dự án ĐTXD		
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC						10.609,170	6.214,966	4.000.000	4.000.000		10.215	2.715	2.715	-	-	-	-	2.715	2.715	-	-			
1	Phòng học và các phòng chức năng Trường tiểu học thị trấn Đinh Lập, huyện Đinh Lập			TT Đinh Lập	2021-2025	2704/QĐ-UBND ngày 01/10/2020; 2998/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.881	749	4.000	4.000			4475/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	4.749	749	749			749	749			Ban quản lý dự án ĐTXD		

Số TT	Dan mục dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/7/2023				Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn QT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
																Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB					Thu hồi CKUT			TT nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
2	Trường THCS thị trấn Đinh Lập		08 phòng học, 1 thư viện	TT Đinh Lập	2021-2025	172/QĐ-UBND ngày 15/01/2021; QĐ 2689/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	5.728	5.466			4859/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	5.466	1.966	1.966						1.966	1.966			Ban quản lý dự án ĐTXD	(Vốn khác: 3.500 trđ)
(2)	Dự án hoàn thành năm 2021						63.194	63.194	500	500	-	62.907	49.568	49.568	-	-	1.142	-	48.426	48.426	-	-			
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG						1.788	1.788	200	200			1.430	1.430	-	-	-	-	1.430	1.430	-	-			
1	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện				2020-2021	2182/QĐ-UBND ngày 11/11/2019	1.788	1.788	200	200			1.430	1.430			-		1.430	1.430				Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
	LĨNH VỰC KHÁC						61.406	61.406	300	300			62.907	48.138	48.138	-	-	1.142	-	46.996	46.996	-	-		
1	Khắc phục ô nhiễm môi trường, cải tạo thành khuôn viên cây xanh thị trấn Đinh Lập		San lấp tạo mặt bằng; Xây dựng hệ thống đường giao thông; hệ thống cống D150	TT Đinh Lập	2019-2020	1514/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 2690/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.978	14.978			2383/QĐ-UBND ngày 01/9/2022	14.944	2.128	2.128			33		2.095	2.095				Ban quản lý dự án ĐTXD	
2	Hạ tầng khu dân cư và Chợ trung tâm thị trấn Nông Trường Thái Bình		3,77 ha	TT Nông Trường	2020-2022	458/QĐ-UBND ngày 10/3/2020; 598/QĐ-UBND; 1325/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; Quyết định số 4867/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	33.858	33.858	300	300	3563/QĐ-UBND ngày 18/11/2023	32.810	33.858	33.858			1.047		32.810	32.810				Ban quản lý dự án ĐTXD	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6, thị trấn Đinh Lập, huyện Đinh Lập		1,25 ha	TT Đinh Lập	2020-2021	171/QĐ-UBND ngày 22/01/2021; 3097/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	12.570	12.570			557/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	15.152	12.152	12.152			61		12.091	12.091					
(3)	Dự án khởi công mới GD 2021 - 2025						204.981	200.534	-	-	-	20.462	188.859	188.859	6.700	-	22.483	2.290	168.666	168.666	6.700	-			
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG						4.826	4.826	0	0	0	-	4.480	4.480			-	-	4.480	4.480					
1	Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm				2022 - 2025	3694/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	1.750	1.750					1.750	1.750					1.750	1.750					
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất (năm 2023) của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đinh Lập				2022 - 2023	1508/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	1.343	1.343					1.230	1.230			-		1.230	1.230				Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
3	Kiểm kê đất đai và Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đinh Lập				2024-2025	3516/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	1.733	1.733					1.500	1.500					1.500	1.500					
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO						133.710	133.710	-	-	-	-	133.500	133.500			2.290	2.290	133.500	133.500					
1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đinh Lập			TT Đinh Lập	2021-2025	1392/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	44.710	44.710					44.500	44.500				2.290	46.790	46.790				Ban quản lý dự án ĐTXD	tăng chi phí GPMB
2	Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đinh Lập			TT Đinh Lập	2021-2025	4866/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	44.800	44.800					44.800	44.800			2.290		42.510	42.510				Ban quản lý dự án ĐTXD	
3	Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đinh Lập			TT Đinh Lập	2021-2025	4139/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	44.200	44.200					44.200	44.200					44.200	44.200				Ban quản lý dự án ĐTXD	
III	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT						17.002	17.002	-	-		16.072	6.171	6.171			4.681	-	1.490	1.490					
1	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè, thoát nước thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đinh Lập (Giai đoạn 1);			TT Nông Trường Thái Bình	2021-2025	2015/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; 1938/QĐ-UBND	4.569	4.569			3537/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	4.320	420	420					420	420				Ban quản lý dự án ĐTXD	(vốn khác 3.900 trđ)
2	Hệ thống thoát nước, vỉa hè thị trấn Đinh Lập (giai đoạn 2), huyện Đinh Lập			Thị trấn Đinh Lập	2022-2025	2231/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	12.433	12.433			3590/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	11.752	5.751	5.751			4.681		1.070	1.070				Ban quản lý dự án ĐTXD	(vốn khác 10.683 trđ)
IV	LĨNH VỰC ĐIỆN						4.390	1.000	-	-		4.390	1.000	1.000			-	-	1.000	1.000					

Số TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 theo Nghị quyết số 04/NQ-HDND ngày 19/7/2023			Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn QT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Trong đó					Tổng số			Trong đó	
															Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB							Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	Cấp điện thôn Bình Lâm - Hòa Bình		01TBA; 2,5Km đường dây trung thế; 03Km đường dây hạ thế	Xã Lâm Ca	2021-2025	4964/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4.390	1.000			2160/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	4.390	1.000	1.000					1.000	1.000			Ban quản lý dự án ĐTXD	(vốn CTMTQG: 3.390,206 trđ)
V	LĨNH VỰC KHÁC						1.500	1.500	-	-			1.500	1.500			1.500	-	-	-				
1	Nước sinh hoạt tập trung thôn Kim Quán, Cồn Đuống		Đường ống dẫn nước từ thị trấn Đình Lập dài 8km, phục vụ 200hộ	xã Đình Lập	2023-2025		1.500	1.500					1.500	1.500			1.500		-	-				
VI	ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025				-	-	6.700	6.700	-	-			6.700	6.700	6.700	-	-	-	6.700	6.700	6.700	-		-
1	Đổi ứng thực hiện các Chương trình MTQG				2021-2025		6.700	6.700					6.700	6.700	6.700				6.700	6.700	6.700		Ban quản lý dự án ĐTXD	
VII	TRÍCH THỰC HIỆN ĐO ĐẠC, CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN				-	-	14.388	14.388	-	-			14.100	14.100	-	-	10.002	-	4.098	4.098	-	-		-
1	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai				2021-2025		14.388	14.388					14.100	14.100			10.002		4.098	4.098				
VIII	TRÍCH 10% QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT				-	-	22.465	21.408	-	-			21.408	21.408	-	-	4.010	-	17.398	17.398	-	-		-
1	Trích 10% quỹ phát triển đất				2021-2025		22.465	21.408					21.408	21.408			4.010		17.398	17.398				
C	NGUỒN KHÁC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						115.637	87.919	35.432	27.215	-	92.755	56.143	56.143	-	451	730	-	55.413	55.413	-	451		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020						11.638	11.638	10.813	10.813	-	11.264	451	451	-	451	-	451	451	-	451			-
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC (thanh toán)						11.638	11.638	10.813	10.813	-	11.264	451	451	-	451	-	451	451	-	451			
1	Cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Bình Xá, huyện Đình Lập			Xã Bình Xá	2017-2018	3207/QĐ-UBND ngày 29/12/2018	4.123	4.123	3.600	3.600	3207/QĐ-UBND ngày 29/12/2018	3.873	273	273					273	273			273	
2	Điểm trường chính Trường Mầm non I Bình Xá, huyện Đình Lập			Xã Bình Xá	2017-2018	3206/QĐ-UBND ngày 29/12/2018	3.200	3.200	3.113	3.113	3206/QĐ-UBND ngày 29/12/2018	3.113	1	1					1	1			1	Ban quản lý dự án ĐTXD
3	Điểm trường chính Trường Tiểu học II Bình Xá, huyện Đình Lập			Xã Bình Xá	2017-2018	3127/QĐ-UBND ngày 27/12/2018	4.315	4.315	4.100	4.100	3127/QĐ-UBND ngày 27/12/2018	4.277	177	177					177	177			177	
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025						58.262	35.410	24.619	16.402	-	36.780	14.820	14.820	-	-	43	-	14.777	14.777	-	-		-
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA						493	493	-	150		493	343	343	-	-	-	-	343	343	-	-		
1	Nhà bia di tích đền Khau Háy, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập			xã Kiên Mộc	2022	420/QĐ-UBND ngày 28/01/2021	493	493		150	1846/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	493	343	343					343	343			Ban quản lý dự án ĐTXD	(Vốn khác 150 trđ)
II	LĨNH VỰC TRỤ SỞ LÀM VIỆC						5.867	5.867	2.186	2.186			3.681	3.681	-	-	43	-	3.639	3.639	-	-		
1	Xây dựng, sửa chữa trụ sở, phòng họp Huyện ủy		Cải tạo nhà Trụ sở làm việc 3 tầng; Xây mới phòng họp 2 tầng; Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ	TT Đình Lập	2019-2020	1459/QĐ-UBND ngày 21/6/2019	5.867	5.867	2.186	2.186	3460/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	5.825	3.681	3.681			43		3.639	3.639			Ban quản lý dự án ĐTXD	
II	LĨNH VỰC KHÁC						29.968	15.978	9.366	9.366		14.944	4.484	4.484	-	-	-	-	4.484	4.484	-	-		
1	Xây dựng, cải tạo via hè nội thị trấn Đình Lập		Chiều dài block loại 1: 3.574m; Chiều dài block loại 2 (block liền rãnh biên): 1.395m	TT Đình Lập	2019-2021	1474/QĐ-UBND ngày 24/6/2019; 3186, 3723/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.990	1.000			2386/QĐ-UBND ngày 02/9/2022		1.000	1.000					1.000	1.000			Ban quản lý dự án ĐTXD	Đã bố trí đến năm 2020 là 7.680 trđ, tiền đất: 1.869 trđ

Số TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Quyết định phê duyệt QT		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/7/2023				Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 -2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn QT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
															Thu hồi CKUT	TT nợ XDCB					Thu hồi CKUT			TT nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23
2	Khắc phục ô nhiễm môi trường, cải tạo thành khuôn viên cây xanh thị trấn Đình Lập		San lấp tạo mặt bằng; Xây dựng hệ thống đường giao thông; hệ thống cống D150	TT Đình Lập	2019-2020	1514/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 2690/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.978	14.978	9.366	9.366	2383/QĐ-UBND ngày 01/9/2022	14.944	3.484	3.484					3.484	3.484			Ban quản lý dự án ĐTXD	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC						10.584	10.322	3.700	3.700		10.322	4.656	4.656	-	-	-	-	4.656	4.656	-	-		
1	Trường THCS thị trấn Đình Lập		08 phòng học, 1 thư viện	TT Đình Lập	2021-2025	172/QĐ-UBND ngày 15/01/2021; QĐ 2689/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	5.728	5.466			4859/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	5.466	3.500	3.500					3.500	3.500			Ban quản lý dự án ĐTXD	
2	Nhà hành chính và các phòng chức năng Trường Tiểu học TT Nông Trường TB			TT Nông Trường	2017-2018	Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	4.856	4.856	3.700	3.700	2333/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	4.856	1.156	1.156					1.156	1.156				
IV	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						11.350	2.749	9.367	1.000		11.021	1.654	1.654	-				1.654	1.654	-			
1	Cứng hóa đường Châu Sơn - Khe Luông - Dốc 6 độ, QL31 huyện Đình Lập bằng công nghệ tro bay			Xã Châu Sơn	2021-2025	3737/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	11.350	2.749	9.367	1.000	4860/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	11.021	1.654	1.654					1.654	1.654			Ban quản lý dự án ĐTXD	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						45.737	40.872	-	-	-	44.710	40.872	40.872	-	-	687	-	40.185	40.185	-	-		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						45.737	40.872	-	-		44.710	40.872	40.872	-	-	687	-	40.185	40.185	-			
1	Nâng cấp, sửa chữa đường DX.436, Nà Tù - Khe Lạn xã Đồng Thắng, huyện Đình Lập		6km	xã Đồng Thắng	2021-2025	187/QĐ-UBND ngày 15/01/2021; 4871/QĐ-UBND 27/12/2022	10.733	8.558			4444/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	10.474	8.558	8.558					8.558	8.558			Ban quản lý dự án ĐTXD	(NSTW: 1.916 trđ)
2	Nâng cấp, sửa chữa đường DX.401, Nà Nát - Khe Pắn Ngon, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập		5km	xã Châu Sơn	2021-2025	186/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	4.200	4.195			4444/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	4.195	4.195	4.195					4.195	4.195				
3	Nâng cấp, sửa chữa đường DX.423, Pắc Vắn - Nà Khu - Khe Buông xã Lâm Ca, huyện Đình Lập		4,7km	Xã Lâm Ca	2021-2025	185/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	8.800	8.747			4755/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	8.747	8.747	8.747					8.747	8.747				
4	Cứng hóa đường Châu Sơn - Khe Luông (GD 2)		7,3 km	Xã Châu Sơn	2021-2025	4947/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	11.999	9.367			3595/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	11.619	9.367	9.367			357		9.010	9.010				(NSTW: 2.069 trđ)
5	Ngâm tràn thôn Pắn Ngon, xã Châu Sơn			Xã Châu Sơn	2021-2025	4872/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	1.131	1.131			3668/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	1.097	1.131	1.131			34		1.097	1.097				
6	Cứng hóa mặt đường DX.401 Nà nát - Khe Pắn Ngon (giai đoạn 2)		2,7Km	Xã Châu Sơn	2021-2025	4949/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	8.874	8.874			3662/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	8.578	8.874	8.874			296		8.578	8.578				